TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh ,

Bà Tạ Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Nhật Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2026/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2026/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thu H, sinh năm 2004;

Căn cước công dân số: 031304013548 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/02/2022.

Địa chỉ cư trú: Số F D, phường L, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Nam P, sinh năm 2004;

Căn cước công dân số: 031204008192 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố H, phường D, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thu H trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Nam P vào ngày 01/10/2025, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 20 ngày thì phát sinh mâu thuẫn nên chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P nhiều lần đánh chị nên chị đã phải nhờ đến chính quyền. Sau khi được hòa giải, anh P xin cơ hội về đoàn tụ và chị đồng ý về sống chung, nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra nên sau khi sinh con chị đã về mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Nguyễn Nam P. Hiện nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể hòa giải về các vấn đề trong vụ án, nên chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định pháp luật, đồng thời chị có đơn xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Nguyễn Hoàng Đức A, sinh ngày 01/4/2026, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Nam P trình bày: Thống nhất với chị H về thời gian điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình và cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2026 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn chị Bùi Thu H. Tuy nhiên, do bận công việc nên anh xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Nguyễn Hoàng Đức A, sinh ngày 01/4/2026, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình

giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị H và anh P đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh P. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Đức A, sinh ngày 01/4/2026 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H xin ly hôn anh P và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh P cư trú tại tổ dân phố H, phường D; sau khi sắp xếp, tổ chức lại và đổi tên các tổ dân phố trên địa bàn phường D, tổ dân phố H được thành lập trên cơ sở sáp nhập tổ dân phố H1 2 và phần còn lại của tổ dân phố N. Vì vậy, địa chỉ hiện nay của anh P là tổ dân phố H, phường D, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị H và anh P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2025 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Hải Phòng. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 20 ngày thì phát sinh mâu thuẫn nên chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh

sống. Sau khi được hòa giải, anh chị trở lại đoàn tụ đến tháng 4/2026 lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình và cuộc sống. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H và anh P tiếp tục xảy ra cãi vã, xô xát tại trụ sở Tòa án, phải có sự can thiệp của Công an phường H. Nay chị H xin ly hôn, anh P đồng ý. Xét hôn nhân giữa chị H và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh P là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Đức A, sinh ngày 01/4/2026, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Các đương sự đã có ý kiến trình bày thống nhất để chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; xét thấy hiện nay cháu Đức A dưới 36 tháng tuổi nên cần được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng để phù hợp với lợi ích của con. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thu H được ly hôn anh Nguyễn Nam P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Đức A, sinh ngày 01/4/2026 cho chị Bùi Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005839 ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thu H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN		**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Khúc Thị Minh	**Tạ Thị Hương**	**Phạm Thị Ngà**

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND phường Dương Kinh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà